TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN XM** TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 99/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 18/9/2020
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phùng Thị Khánh Vân.

2. Ông Dương Đình Luật.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Huỳnh Thị Kim Thùy – Thư ký tòa án nhân dân huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên tòa***: Bà Phạm Thị Lệ Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2020 tại Tòa án nhân dân huyện XM xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 249/2020/TLST- HNGĐ ngày 25 tháng 5 năm 2020 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 90/2020/QĐXXST – HNGĐ ngày 03 tháng 8 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 82/2020/QĐST- HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị X, sinh năm: 1977 (vắng mặt, có đơn xin xét xử).
Địa chỉ: Ấp 1, xã BL, huyện XM, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.
Bị đơn: Ông Nguyễn Anh T, sinh năm: 1972 (vắng mặt).
Địa chỉ: Ấp 1, xã BL, huyện XM, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 21/5/2020 bản khai và các biên bản làm việc tiếp theo tại Tòa án nguyên đơn – Bà Lê Thị X trình bày:

Bà Lê Thị X xây dựng gia đình với ông Nguyễn Anh T vào năm 2000, có đăng ký kết hôn tại UBND xã BL, huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, được sự đồng ý của hai bên gia đình có tổ chức lễ cưới, trước khi cưới có tìm hiểu nhau một thời gian, hôn nhân là trên cơ sở tự nguyện. Cuộc sống chung giữa bà X và ông T xảy ra nhiều mâu thuẫn do ông T có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, ngoài ra ông T còn bài bạc, từ đó vợ chồng thường phát sinh cãi vã, và xảy ra xô sát, sự việc cứ lặp đi lặp lại nhiều lần. Bà X và ông T đã cố gắng hàn gắn, giải quyết những mâu thuẫn giữa vợ chồng nhưng tình hình vẫn không có gì thay đổi. Bà X và ông T ly thân từ tháng 3/2020 đến nay, không còn quan hệ qua lại gì về mặt tình cảm cũng như kinh tế.

Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà X yêu cầu được ly hôn với ông T.

- Về con chung bà X và ông T có 02 con chung tên Nguyễn Lê Hạnh Q, sinh năm 2001 (đã trưởng thành) và Nguyễn Thị Phương U, sinh ngày 25/03/2005, hiện cháu U đang sống với bà X. Bà X yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu U, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà X và ông T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản khai, biên bản làm việc bị đơn ông Nguyễn Anh T trình bày:

Về thời gian điều kiện và hoàn cảnh kết hôn như bà X trình bày là đúng ông T không bổ sung gì thêm. Cuộc sống chung giữa ông T và bà X hạnh phúc đến tháng 3/2020 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là vợ chồng bất đồng quan điểm nên thường phát sinh cãi vã, đôi khi xảy ra xô sát. Từ tháng 5/2020 thì bà X dọn ra ngoài sinh sống, mạnh ai nấy sống, không quan tâm gì đến nhau.

Nay theo yêu cầu ly hôn của bà X thì ông T không đồng ý ly hôn vì ông T vẫn còn thương yêu vợ, con.

- Về con chung ông T và bà X có 02 con chung tên Nguyễn Lê Hạnh Q, sinh năm 2001 (đã trưởng thành) và Nguyễn Thị Phương U, sinh ngày 25/03/2005, hiện cháu U đang sống với bà X. Trường hợp bà X nhất quyết ly hôn và được Tòa án giải quyết cho ly hôn thì ông T yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu U, ông T không yêu cầu bà X cấp dưỡng.

- Về tài sản chung và nợ chung: Trường hợp bà X nhất quyết ly hôn và được Tòa án giải quyết cho ly hôn thì ông T và bà X tự thỏa thuận giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau đó Tòa án đã triệu tập ông Nguyễn Anh T đến tham gia hòa giải nhiều lần nhưng ông T vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Tại các phiên tòa ông T đều vắng mặt không có lý do.

Phát biểu quan điểm của Kiểm sát viên: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng trình tự, thủ tục tố tụng được quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của đương sự, nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình còn bị đơn vắng mặt tại các buổi làm việc trước đây cũng như tại các phiên tòa là chưa chấp hành đúng pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu ly hôn và giải quyết con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Quan hệ tranh chấp: Bà Lê Thị X yêu cầu ly hôn, giải quyết con chung với ông Nguyễn Anh T đây là quan hệ pháp luật ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo quy định tại Khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn ông Nguyễn Anh T có nơi cư

trú tại địa bàn huyện XM theo điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Trong quá trình tham gia tố tụng, bà Lê Thị X có đơn xin xét xử vắng mặt, ông Nguyễn Anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông T vắng mặt không có lý do. Vì vậy việc xét xử vắng mặt bà X, ông T là phù hợp với quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Bà X và ông T xây dựng gia đình vào năm 2000 có đăng ký kết hôn và được cấp giấy chứng nhận kết hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 31, quyển số 01 ngày 21/9/2000 tại UBND xã BL, huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu), xét đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Về thời gian, điều kiện, hoàn cảnh kết hôn và về mâu thuẫn vợ chồng bà X và ông T trình bày là thống nhất do vợ chồng bất đồng quan điểm nên thường phát sinh cãi vã, từ tháng 3 năm 2020 đến nay bà X và ông T ly thân không còn quan hệ qua lại gì về mặt tình cảm cũng như kinh tế. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà X yêu cầu được ly hôn với ông T, ông T không đồng ý ly hôn do còn tình cảm với bà X.

Kết quả xác minh tại địa phương: Do bà X và ông T không hòa giải ở cơ sở nên địa phương không rõ mâu thuẫn giữa bà X và ông T. Tuy nhiên, hiện nay bà X và ông T không sống chung với nhau là phù hợp với lời trình bày của bà X và ông T.

Xét yêu cầu của bà X cho thấy sau khi mâu thuẫn xảy ra, lẽ ra bà X và ông T phải cùng tìm cách khắc phục những mâu thuẫn của vợ chồng để cuộc sống chung được hạnh phúc nhưng từ tháng 3 năm 2020 đến nay bà X và ông T ly thân, mạnh ai nấy sống, vợ chồng không quan tâm gì đến nhau. Ông T cho rằng vẫn còn thương yêu bà X và mong muốn Tòa án hòa giải cho đoàn tụ. Tuy ông T yêu cầu đoàn tụ gia đình nhưng ông T không có biện pháp nào để khắc phục mâu thuẫn, Tòa án đã hòa giải nhiều lần với mục đích bà X và ông T trở về đoàn tụ chung sống nhưng bà X vẫn nhất quyết xin ly hôn.

Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử nhận thấy, tình cảm vợ chồng của bà X và ông T thật sự không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng; đời sống chung không thể kéo dài mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Khoản 1, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà X đối với ông T.

[3] Về con chung: Bà X và ông T có 02 con chung tên Nguyễn Lê Hạnh Q, sinh năm 2001 (đã trưởng thành) và Nguyễn Thị Phương U, sinh ngày 25/03/2005. Cả bà X và ông T đều có yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu U. Tuy nhiên ông T được Tòa án mời đến Tòa nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt cho thấy ông T tự từ bỏ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Xét nguyện vọng của cháu U cho thấy, cháu có nguyện vọng được ở với bà X và bà X có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu U, hơn nữa cháu U là con gái, đang ở độ tuổi phát triển về tâm, sinh lý nên rất cần sự quan tâm chăm sóc của

người mẹ. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào thực tế và các quy định của Luật hôn nhân và gia đình, để tránh xáo trộn cuộc sống của con chung, giao cháu Uyên cho bà X được quyền trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Bà X không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà X và ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Áp dụng Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bà X phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016. Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị X đối với ông Nguyễn Anh T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị X được ly hôn với ông Nguyễn Anh T.

2. Về con chung: Bà X và ông T có 02 con chung tên Nguyễn Lê Hạnh Q, sinh năm 2001 (đã trưởng thành) và Nguyễn Thị Phương U, sinh ngày 25/03/2005. Bà X được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu U. Ông T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông Nguyễn Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích mọi mặt của con, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà X và ông T không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

4. Về án phí: Bà Lê Thị X phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà X đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001391 ngày 22/5/2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Bà X đã nộp đủ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử phúc thẩm. Đối với đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- VKSND huyện XM;
- Chi cục THADS huyện XM;
- UBND xã BL;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Kim Thảo